SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc - lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 118 /TB-BV

Hà Giang, ngày 23 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc triển khai các dịch vụ kỹ thuật các chuyên khoa: RHM, CTCH, Ngoại TH, Ung Bướu, Vi Sinh - SHPT, TDCN

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-SYT ngày 12/02/2014 của Giám đốc Sở y tế Hà Giang về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được thực hiện tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-SYT, ngày 10/5/2022 của Giám đốc Sở Y tế Hà Giang về việc phê duyệt bổ sung DMKT chuyên môn đối Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3043/QĐ-SYT, ngày 24/8/2022 của Giám đốc Sở Y tế Hà Giang về việc phê duyệt bổ sung DMKT chuyên môn đối Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Căn cứ Thông tư 13/2019/TT-BYT, ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2018/TT-BYT, ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các Bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Công văn số 1953/BHXH-GĐ BHYT, ngày 22/11/2022 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Hà Giang về việc trả lời thẩm định TTB, DVKT mới của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang triển khai dịch vụ kỹ thuật ECMO. Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa: YHCT, PHCN, mắt, Điện quang phục vụ người bệnh cụ thể như sau:

1. Tên các dịch vụ kỹ thuật: *(Có danh mục kèm theo)*

2. Phê duyệt: tại danh mục tương đương tại Quyết định số 7435/QĐ-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về quy trình kỹ thuật và chi phí thực hiện theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT.

3. Thời gian triển khai.

Trên đây là những nội dung về việc triển khai một số dịch vụ kỹ thuật mới. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang. Giao Phòng TCKT phối hợp với phòng Công nghệ thông tin và truyền thông cập nhật kỹ thuật dịch vụ mới vào hệ thống phần mềm Bệnh viện. Đề nghị các khoa căn cứ hướng dẫn chỉ định phù hợp, nâng cao chất lượng điều trị cho người bệnh và triển khai dịch vụ từ ngày 24/11/2022.

Nơi nhận:
- BHXH tỉnh Hà Giang;
- Ban Giám đốc;
- Đăng Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Quốc Dũng

DANH MỤC KỸ THUẬT TRIỂN KHAI

(Kèm theo Thông báo số: 118/TB-BV, ngày 23 tháng 11 năm 2022)

TT	Mã tương đương	Mã T43, 50,21	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	STT TT39	DM giá Thông tư 39/2018/TT-BYT *(Ban hành kèm theo QĐ: 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018)*	Giá thanh toán theo TT13	Chuyên khoa
KHOA RĂNG HÀM MẶT							
1.	16.0201.1028	16.201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	1039	Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm	342,000	RHM
2.	16.0202.1028	16.202	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	1039	Nhổ răng số 8 có biến chứng khít hàm	342,000	RHM
3.	16.0254.1069	16.254	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	1080	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm trên	3,044,000	RHM
4.	03.2067.1043	32.067	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	1054	Lấy sỏi ống Wharton	1,014,000	Nhi khoa
5.	03.2056.1053	32.056	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	1064	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn	1,662,000	Nhi khoa
KHOA CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH							
6.	10.0280.0582	10.280	Phẫu thuật điều trị lồi xương ức (ức gà)	592	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	2,851,000	Ngoại khoa
7.	10.0279.0582	10.279	Phẫu thuật điều trị lõm ngực bẩm sinh	592	Phẫu thuật loại I (Ngoại khoa)	2,851,000	Ngoại khoa
8.	03.4152.0541	34.152	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	551	Phẫu thuật nội soi khớp gối hoặc khớp háng hoặc khớp vai hoặc cổ chân	3,250,000	Nhi khoa
9.	01.0157.0508	1.157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	518	Cố định gãy xương sườn	49,900	HSCC&CĐ
10.	03.0112.0508	3.112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	518	Cố định gãy xương sườn	49,900	Nhi khoa
11.	10.0016.0373	10.16	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)	382	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - màng bụng	4,122,000	Ngoại khoa
12.	10.0058.0373	10.58	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dãn não thất	382	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - màng bụng	4,122,000	Ngoại khoa
13.	10.0064.0373	10.64	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)	382	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - màng bụng	4,122,000	Ngoại khoa
14.	03.3064.0372	33.064	Phẫu thuật áp xe não	381	Phẫu thuật áp xe não	6,843,000	Nhi khoa
15.	10.0021.0376	10.21	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN	385	Phẫu thuật tạo hình màng não	5,713,000	Ngoại khoa
KHOA NGOẠI TỔNG HỢP							
16.	10.0320.0423	10.320	Tạo hình khúc nối bể thận – niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson – Hynes	432	Phẫu thuật cắt túi sa niệu quản bằng nội soi	3,044,000	Ngoại khoa
17.	10.0398.0584	10.398	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	594	Phẫu thuật loại III (Ngoại khoa)	1,242,000	Ngoại khoa
18.	10.0625.0474	10.625	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	484	Phẫu thuật lấy sỏi ống mật chủ	4,499,000	Ngoại khoa

TT	Mã tương đương	Mã T43, 50,21	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	STT TT39	DM giá Thông tư 39/2018/TT-BYT *(Ban hành kèm theo QĐ: 7435/QĐ-BYT, ngày 14/12/2018)*	Giá thanh toán theo TT13	Chuyên khoa
KHOA UNG BƯỚU							
19.	12.0206.0454	12.206	Cắt lại đại tràng do ung thư	463	Phẫu thuật cắt đại tràng hoặc phẫu thuật kiểu Hartman	4,470,000	Ung Bướu
20.	12.0259.0416	12.259	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống	425	Phẫu thuật cắt thận	4,232,000	Ung Bướu
21.	07.0060.0356	7.60	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm	365	Phẫu thuật loại 1 mổ mở tuyến nội tiết có dùng dao siêu âm	6,560,000	Nội tiết
KHOA VI SINH - SHPT							
22.	24.0264.1664	24.264	Hồng cầu trong phân test nhanh	1680	Hồng cầu trong phân test nhanh	65,600	Vi sinh
23.	24.0232.1719	24.232	Adenovirus Real-time PCR	1735	Vi khuẩn/ virus/ vi nấm/ ký sinh trùng Real-time PCR	734,000	Vi sinh
24.	24.0155.1696	24.155	HAV Ab test nhanh	1712	Rickettsia Ab	119,000	Vi sinh
25.	24.0164.1696	24.164	HEV IgM test nhanh	1712	Rickettsia Ab	119,000	Vi sinh
KHOA THĂM DÒ CHỨC NĂNG							
26.	03.1056.0140	31.056	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	145	Nội soi dạ dày can thiệp	728,000	Nhi khoa
27.	20.0067.0140	20.67	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hoá cao để chẩn đoán và điều trị	145	Nội soi dạ dày can thiệp	728,000	NSCĐ can thiệp
28.	03.1057.0140	31.057	Nội soi thực quản-dạ dày, tiêm cầm máu	145	Nội soi dạ dày can thiệp	728,000	Nhi khoa
29.	03.1059.0500	31.059	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	510	Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi	1,696,000	Nhi khoa
30.	03.1063.0500	31.063	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	510	Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi	1,696,000	Nhi khoa
31.	20.0070.0500	20.70	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	510	Lấy dị vật ống tiêu hoá qua nội soi	1,696,000	NSCĐ can thiệp
32.	03.1067.0498	31.067	Nội soi cắt polip ống tiêu hoá (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	508	Cắt polyp ống tiêu hoá (thực quản hoặc dạ dầy hoặc đại tràng hoặc trực tràng)	1,038,000	Nhi khoa
33.	03.0155.0140	3.155	Nội soi dạ dày cầm máu	145	Nội soi dạ dày can thiệp	728,000	Nhi khoa
34.	02.0267.0140	2.267	Nội soi can thiệp - cắt gắp bã thức ăn dạ dày	145	Nội soi dạ dày can thiệp	728,000	Nội khoa
35.	02.0294.0137	2.294	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	142	Nội soi đại trực tràng ống mềm không sinh thiết	305,000	Nội khoa
36.	02.0261.0319	2.261	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	328	Thủ thuật loại I (Nội khoa)	580,000	Nội khoa
37.	02.0273.0191	2.273	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	196	Soi trực tràng, tiêm hoặc thắt trĩ	243,000	Nội khoa
38.	03.2340.0157	32.340	Nong hẹp thực quản, môn vị, tá tràng	162	Nong thực quản qua nội soi	2,277,000	Nhi khoa